

# Ai là tổ tiên của cư dân Lưỡng Quảng?

Lê Đỗ Huy lược thuật

Mấy năm qua, tại [Diễn đàn Lịch sử Trung Hoa](#) (China History Forum) đã diễn ra một cuộc thảo luận trực tuyến về nguồn gốc của cư dân hiện nay đang sống tại hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây [Lưỡng Quảng] của CHND Trung Hoa. Dựa vào những tranh luận trên diễn đàn này, một hoạt động sôi nổi, lôi cuốn nhiều người ở Trung Hoa lục địa và hải ngoại tham gia, chúng tôi xin lược thuật để bạn đọc tham khảo.

Cuộc thảo luận trực tuyến được thực hiện bằng tiếng Anh, có đôi chỗ chú thích bằng tiếng Hoa, gồm hàng trăm ý kiến dàn trải trên 7 chương, mỗi chương có thể in ra chừng hơn 30 trang giấy khổ A4. Chủ đề của cuộc thảo luận là quan điểm Liên-Bách Việt (Pan-baiyueism), bàn về nguồn gốc chung của người Việt Nam và người nói tiếng Quảng Đông (Cantonese). Các thành viên tham dự diễn đàn này gồm chủ yếu là người Trung Hoa ở phía Nam (nhóm thứ nhất), thường phủ định quan điểm "Liên-Bách Việt", một số người Việt Nam và Việt gốc Hoa (nhóm thứ hai, ít hơn về số người), được xem là cổ súy cho quan điểm trên, và một số ý kiến trung dung.

Các tranh luận thường khá gay gắt, nhưng các nhóm có vẻ đồng thuận với một số sử liệu, thường trích từ các công trình nghiên cứu phương Tây sau đây <sup>[1]</sup> :

Vào khoảng đời nhà Chu (1134-770 tCn) và Xuân Thu, tại khu vực phía Nam Trung Hoa giáp với biên giới Trung-Việt ngày nay đã tồn tại những bộ tộc không thuộc Hoa tộc như Bách Việt, Bộc (Pu) <sup>[2]</sup> ...

Tới thời Xuân Thu, người Việt ở khu vực núi Cối Kê (nay là Thiệu Hưng) thuộc Chiết Giang lập ra vương quốc Việt. Nước Việt vào năm 473 tCn đã chinh phục nước Ngô <sup>[3]</sup> láng giềng, đóng đô ở Tô Châu thuộc Giang Tô. Nhưng rồi Việt bị nước Sở thôn tính năm 306 tCn. Vào thời Xuân Thu, người Đông Việt được xem là cư trú ở vùng nay thuộc phía Đông nước Trung Hoa hiện đại, người Dương Việt cư trú ở phía bắc của tỉnh Giang Tô hiện nay. Các bộ tộc Bách Việt khác như Âu Mân sống ở vùng Chiết Giang, Phúc Kiến; Nam Việt sống ở vùng Quảng Đông, Tây Âu ở Quảng Tây, Lạc Việt ở Phúc Kiến... Trong thời kỳ Chiến quốc (480-221 tCn), vương quốc Việt cũng chao đảo dưới những biến động chính trị, giống như các lãnh thổ thuộc Thục và Ba nay thuộc Tứ Xuyên, nhưng lộ trình văn hóa của nó vẫn khác xa văn hóa Trung Hoa "chính thống" [Hán] của lưu vực sông Hoàng Hà.

Bắt đầu thời kỳ miền bắc của Dương Tử bị Trung Hoa hóa [Hán hóa] mạnh mẽ. Bức trường thành ngăn các bộ tộc du mục từ phương bắc xuống đã được nước Tần (221-206 tCn) và Yên xây dựng. Khu vực hiện nay thuộc Phúc Kiến lần lượt bị nhà Tần và nhà Hán chinh phạt, nhưng phong kiến Trung Hoa đã không thực sự kiểm soát được vùng đất này. Vào đầu đời Hán (206 tCn - 220), Triệu Đà lập ra vương quốc Nam Việt ở khu vực Quảng Đông, độc lập với triều đình Hán. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa năm 221 tCn, quân nhà Tần bắt đầu tiến xuống phía nam dọc theo sông Tây Giang tới vùng Quảng Đông hiện nay, và xác lập các quận dọc theo các trục đường chính. Tới năm 112 tCn, Hán Vũ Đế đã chinh phục những vùng phương Nam (Trung Hoa), cùng với vùng nay là miền bắc Việt Nam và cử người Hán cai quản các quận.

Dưới đời Hán, ngoài Nam Việt ở viễn nam chủ yếu là ở Lưỡng Quảng và Việt Nam, sử sách còn kể về tiểu quốc Mân Việt ở đông bắc tập trung ở vùng sông Mân Giang, nay thuộc Phúc Kiến (Mân là tên cũ của tỉnh Phúc Kiến).

Thời Tam Quốc, Sách *Địa lý chuyển luận* trong *Hán thư* chép: "Ở khoảng bảy hay tám ngàn dặm tính từ Giao Chỉ đến Cối Kê (nam Giang Tô hay bắc Chiết Giang), những người Bách Việt có mặt ở mọi nơi, chia thành nhiều thị tộc".

Hoạt động di cư của người Trung Hoa (Hán) càng tăng trưởng, người Việt càng bị đẩy vào các vùng đất cằn hơn, và vào rừng núi. Không giống như những người du mục Trung Á như tộc Hung Nô hoặc tộc Tiên ti, người Việt chưa từng thực sự đặt ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự bành trướng hay kiểm tỏa của Trung Hoa (người Hán). Thịnh vượng họ đẩy lên những cuộc đột kích vào khu định cư

của người Hoa, mà các sử gia cổ gọi là "những cuộc nổi loạn". Người Trung Hoa (Hán) cho rằng người Việt không văn minh, và hay đánh lẫn nhau.

Sự sụp đổ của nhà Hán và giai đoạn chia tách tiếp theo đã đẩy mạnh quá trình Trung Quốc hóa. Các thời kỳ bất ổn và chiến tranh ở miền Bắc Trung Hoa giữa Bắc Triều và Nam Triều, cũng như trong đời Tống đã dẫn tới hoạt động di cư ồ ạt của người Trung Hoa (xuống phương Nam). Hôn nhân dị chủng và giao lưu giữa các nền văn hóa đã dẫn đến sự pha trộn giữa người Trung Hoa (Hán) và không Trung Hoa (không phải Hán) ở miền Nam. Cho đến đời Đường, từ "Việt" đã trở nên một định ngữ chỉ vùng hơn là chỉ một nền văn hóa. Một nhà nước từng nằm ở tỉnh Chiết Giang hiện nay trong thời kỳ Ngũ đại thập quốc chẳng hạn, đã tự xưng là Ngô Việt.

Về thời Bắc thuộc, Diễn đàn dẫn luận án phó [?] tiến sĩ của Jennifer Holmgren "Sự đô hộ của Trung Hoa đối với [Bắc] Việt Nam" (Chinese Colonisation of Northern Vietnam, 1980) có đoạn viết:

Những ghi chép về hoạt động của Trung Hoa ở Bắc Bộ Việt Nam trong 6 thế kỷ đầu thời kỳ thực dân này (Việt Nam gọi là thời Bắc thuộc) cho thấy quá trình Việt Nam hóa đối với các dòng họ Trung Hoa hơn là quá trình Hán hóa đối với người Việt... Sự trêu ngươi như thế cho thấy một số thị tộc Trung Hoa xác lập quyền lợi của dòng họ mình ở Bắc Bộ: định cư dần dần, giúp đỡ mở mang và cuối cùng hoà nhập vào môi trường xã hội kinh tế và chính trị ở Bắc Việt Nam. Kết quả cuối cùng của quá trình này là sự xuất hiện của một tầng lớp thượng lưu Hoa-Việt, quá trình phi thực dân hóa ở vùng viễn nam, và những mưu toan bất thành ở thế kỷ VI để khôi phục nền độc lập, thoát ách đô hộ của phương Bắc. Ví dụ cho quá trình này là sự thăng tiến của Sĩ Nhiếp thời Hậu Hán và những nỗ lực giữ nền độc lập của người nhà ông này sau khi ông qua đời.

Từ cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng thế kỷ I đến cuộc nổi dậy của Lý Bôn thế kỷ VI, sử sách của Trung Hoa cho thấy biểu hiện của một sự phụ thuộc về chính trị trên nền nửa độc lập với Bắc triều. Theo dòng thời gian, những thời kỳ có đặc tính bán tự trị ngày càng tăng lên. Xu thế này làm nền cho cuộc nổi dậy của nhà [Tiền] Lý ở giữa thế kỷ VI và cuối cùng là sự phân liệt hoàn toàn khỏi Trung Hoa vào thế kỷ X.

Tác động của văn hóa Việt đối với văn hóa Trung Hoa đã không được xác định một cách chính thức, nhưng nó khá rõ rệt. Ngôn ngữ của các tiểu quốc cổ Ngô và Việt tạo nên ngôn ngữ Ngô, và phần nào tới ngôn ngữ Mân ở Phúc Kiến. Những nhà nghiên cứu ngôn ngữ cho rằng một số từ tiếng Trung Hoa có nguồn gốc từ tiếng Việt cổ chẳng hạn như từ *jiang* (giang), có nghĩa là sông. Những tàn tích về người Việt có thể quan sát được trong một số nhóm thiểu số ở Trung Hoa.

Ở Chiết Giang, nhà hát được gọi là rạp diễn Việt kịch. Tiếng Việt là một bộ phận của tiếng Trung Hoa và thường được gọi là tiếng Quảng Đông. Mẫu tự chính thức và các phương ngữ hình thành từ nó được sử dụng ở Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Hồng Kông, Ma Cao và tại một số cộng đồng Hoa Kiều trên thế giới.

Một số tên gọi khác của người Việt còn truyền được tới nay là Yi-Yue (hoặc Yu-Yue/ Ngải-việt), Mân-việt, Sơn-Việt, Dương-Việt (người Việt ở biển), U- Việt và Câu-Ngô. Những nhà nghiên cứu tiếng dân tộc cho rằng tên gọi người Việt có liên quan đến nghề chế biến cây gai dầu ở miền nay là Chiết Giang.

Chữ Việt cũng được xem là từ chỉ lưỡi *phủ việt*, một dụng cụ hay khí giới giống cái búa hay cái rìu, hình chữ nhật, biểu trưng cho quyền lực hoàng gia hay đế chế. Nhiều dụng cụ dạng rìu bằng đá đã được tìm thấy ở Hàng Châu, do vậy, nhiều học giả cho rằng lưỡi *việt* (búa dùng trong nghi lễ) là một sáng chế của miền Nam. Chữ Việt cũng từng được dùng để chỉ Quảng Đông và Quảng Tây<sup>[4]</sup>.

Cho dù nhiều bộ tộc Việt vẫn thập thoảng đó đây trên lãnh thổ CHND Trung Hoa và để lại những dấu ấn trong sử sách đến cuối đời Hán, nay chỉ có thể kể tên vài nhóm dân Việt như Palyu "Lai", Bugan "Hualuo hay Huazu", Bit, Bulang, Hu, Kemu, Khuen, Wa... Di sản lớn nhất của người Việt cổ chính là miền Bắc Việt Nam, miền đất mà họ chạy về đó định cư do sự truy bức của Trung Hoa.

Về các tộc thiểu số khác ở khu vực này là biên giới Trung Việt, theo sách của S. Robert Ramsey. *Những ngôn ngữ của Trung Hoa (The Languages of China)* tr. 233, không chỉ có Hakka (*Khách gia*, miền nam gọi là *Hẹ*), Mân và người Quảng Đông, là những người ở miền Nam Trung Hoa từ đầu, mà từ lâu đời người Thái đã thấp thoáng đóng một vai trò có qui mô ngay trước khi một thiên hạ Trung Hoa lộ rõ. Từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên, những khu vực trồng lúa đã lốm đốm xuất hiện ở lưu vực sông Dương Tử. Vẫn theo S. Robert Ramsey, trong số các tiểu quốc được điểm tên trong lịch sử Trung Hoa có Ngô, ở gần Thượng Hải hiện nay, và Việt nằm dọc theo bờ biển Nam Trung Hoa, là những quốc gia của người Thái. Các quốc gia này dần dần bị Trung Quốc nuốt dần và đa số người Thái đã trở thành người Trung Hoa, qua đồng hóa về văn hóa và ngôn ngữ. Một nhà dân tộc học đã ước tính rằng ít nhất 60% người Quảng Đông có tổ tiên là thổ dân nói tiếng Thái.

Về các vùng khác thuộc miền Nam Trung Hoa nói chung: miền Nam Trung Hoa trước thời Hán bao gồm nhiều nền văn hóa gần với Đông Nam Á như văn hóa Đông Sơn, hoặc những nền văn hóa nổi tiếng hơn như Ngải, Di hoặc Ba Thục. Trong đó, văn hóa Điền ở Vân Nam thể hiện những cư dân khác sau thời đồ đồng. Xứ Vân từng cho thấy mối liên hệ về các nhóm người phương Nam với những bức tranh trong hang vẽ pháp sư (saman) khu gớm cong, chuôi có núm tròn kiểu Hán, thể hiện quyền lực trên đầu một đám đông. Người Hán từng có tục xăm mình để trấn áp những chứng bệnh nhiệt đới cũng như những cừ thù trong thời gian chiếm đóng những vùng đất thù địch.

Ở Vân Nam, văn hóa hiện đại của địa phương này không có nhiều liên hệ với nền văn hóa thuần Hán của vùng đồng bằng trung tâm cả về tín ngưỡng, trang phục, ẩm thực. Ở Vân Nam, còn tồn tại tục ăn côn trùng.

Những nguồn và ý kiến trên thường thuộc về các nhà nghiên cứu phương Tây, ít gây tranh cãi hơn so với những ý kiến dưới đây.

Nhóm thứ nhất (người Trung Hoa, đa số là ở lục địa) cho biết một số phát hiện và khẳng định sau:

- Người Quảng Đông cách đây 2.000 năm là sự pha trộn giữa người Việt tại chỗ và người Hán. Người Việt lúc đó gần với người thiểu số dân tộc Nùng hiện nay ở Việt Nam.
- Vương quốc Nam Việt gồm những cư dân người Kinh (?) sống ở đó nhưng họ là người Trung Hoa. Quảng Đông và Quảng Tây cũng như quốc gia cổ Nam Việt, không có quan hệ với dân tộc hiện nay mang quốc hiệu Việt Nam. Hoặc họ (người Trung Hoa ở phương Nam) không có quan hệ gì với người Nam Việt, cho dù Triệu Đà, vua Nam Việt lúc đó là người Hán.
- Trong khoảng 100 năm gần đây người Hoa di cư xuống Việt Nam là từ Lưỡng Quảng và Phúc Kiến. Người Hán phương Bắc, theo nhóm thứ nhất, hầu như không di cư xuống Việt Nam, họ chỉ chạy sang Nam Triều Tiên vào năm 1949 và định cư chủ yếu ở Pusan và Seoul.
- Người Hoa di cư xuống phía Nam thường không phải là người Hán. Họ tự gọi mình là người Minh Hương, hiện ở Việt Nam còn thể hệ thứ tư của những người Minh Hương, phần nhiều không nói, viết được tiếng Hoa.
- Người miền Nam Trung Hoa có ngoại hình khác với người Trung Hoa phương Bắc. Nhà Nguyên Mông chia người Trung Hoa thành các nhóm: Mông, du mục người Hán phương Bắc, người Hoa phương Nam. Một vài ý kiến cho rằng người Trung Hoa phương nam có ngoại hình phần nào giống với người Việt Nam.
- Nhiều người Quảng Đông hiện đại còn giữ được gia phả theo đó tổ tiên của họ di cư từ phía bắc xuống Quảng Đông vào đời Đường (618-907) và đời Tống (960-1279). Cuộc di cư lớn nhất xảy ra vào cuối đời Tống, họ cư trú ở nơi mà người Nam Việt đã bị đẩy xuống Quảng Tây hoặc Việt Nam hiện nay, nơi mà khi đó những người Choang là thiểu số so với người Kinh chiếm đa số.
- Người Trung Hoa ở phương Nam hiện nay nói chung đã bị Hán hóa.
- Còn có trên 50 triệu người thuần huyết thống Nam Việt hiện ở Quảng Tây và Quý Lâm.
- Những người thổ dân thuộc các bộ tộc thiểu số Lê, Tày, Đai..., được chính phủ Trung Hoa xếp vào cùng nhóm với người Choang, nhóm này có tổng dân số trên 20 triệu người.
- Không có nhiều người Quảng Đông sinh ra ở Việt Nam. Cộng đồng Trung Hoa ở Việt Nam chủ yếu là những người nói tiếng Triều Châu (Tiều) hoặc Phúc Kiến <sup>[5]</sup>.

- An Dương Vương (Thục Phán), Triệu Đà, cũng như anh hùng dân tộc của Việt Nam Lý Bí, đều là người phương Bắc Trung Quốc.

Nhiều ý kiến của nhóm thứ nhất thường nhấn mạnh rằng họ là những người Quảng Đông thuộc về *hệ Hán*, hiện chiếm đa số ở khu vực Lưỡng Quảng, và "rất tự hào về nguồn gốc Hoa Hạ và Đông Di của mình", hiện chung sống với "các dân tộc thiểu số" đáng yêu có nền văn hóa rực rỡ, danh giá thuộc về giòng dõi Nam Việt. Rằng đa số người Trung Hoa hiện đại không cho rằng nước Nam Việt lúc đó gần với Âu Lạc (được xem là nằm trong vương quốc Nam Việt) hơn là gần với Trung Hoa. Rằng những người Việt Nam hiện đại kém hiểu biết cần được dạy dỗ, rằng họ chỉ có quan hệ với Âu Lạc, nhưng không có quan hệ gì với vương quốc Nam Việt. Cổ sử Trung Hoa, theo họ chép rằng những người Hán đã tàn sát và đánh đuổi những bộ lạc Việt về phía Nam và xuống đồng bằng sông Hồng trong "các cuộc chinh phạt cướp đất". Có ý kiến khuyên người Việt không nên tự hào về dòng dõi Nam Việt vì đây chính là giống Nam Man <sup>[6]</sup>. Một số ý kiến cho rằng người Việt nhìn chung là "bội bạc", "quan co", đàn ông Việt Nam không chăm chỉ và không chú trọng xây dựng gia đình theo khuôn mẫu Á đông. Có ý kiến lại cho người Việt là đàn độn và khờ dại. Cũng có ý kiến cho rằng người Việt hiện đại xấu hổ (?) vì dòng dõi Bách Việt và tìm cách "leo thang" để gần mình với người Quảng Đông và người Trung Hoa. Và cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ không được người Mỹ ưa chuộng (?)

Xin nêu thêm một số phát hiện đến từ cả hai nhóm và các nhà nghiên cứu phương Tây:

- Nhà Tần (221-206 tCn) cũng có truyền thuyết về con chim thần (tựa như Âu Cơ).
- Có nhiều người Việt cổ bị đồng hóa thành Trung Hoa nhiều năm trước đây. Chẳng hạn họ Âu-dương đến từ đất Lư Lăng của vương quốc Việt cổ. Có một hoàng tử Việt mang họ này bị nhà Chu bắt. Hậu duệ của ông, một sử gia nổi tiếng nhà Tống mang họ này. Hiện nay, ở một số tỉnh miền Nam Trung Hoa còn nhiều người mang họ này. Một số người Quảng Đông cũng mang họ này. Sử gia đời Tống Âu-dương Tu cho rằng người Việt có cùng một tổ tiên với người [Hoa?] Hạ, một quan điểm bị nhóm thứ nhất của Diễn đàn này phê phán.
- Các khu vực Tứ Xuyên, Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam từng có nền văn hóa riêng và dân cư khác biệt, không in dấu lên triều đình Hán hay các nghi thức đặc trưng cho đế chế Trung Hoa.
- Quảng Châu được Ngô vương Tôn Hạo, vua thứ tư nhà Đông Ngô, cháu của Tôn Quyền, chia tách từ Triều [?] Châu <sup>[7]</sup> vào năm 264.
- Có lượng đáng kể của dòng máu Trung Hoa trong huyết quản người Lạc Việt và U Việt. tức là người Việt hiện đại.
- Những người U Việt thuộc nhóm Bách Việt, bị nhà Thanh (1644-1911) dồn đuổi xuống lãnh thổ Việt Nam. Chuyện chín chúa tranh vua" (Cầu chúa cheng vua) của các dân tộc Tày, Nùng... có thể là minh họa cho sử liệu này.
- Khái niệm "Hán hóa" từng thuộc về những đường biên giới cổ đại thật xa lạ với hiện nay. Không thể xem là những tộc người thiểu số đang không được đãi ngộ ở CHND Trung Hoa, cho dù một số trong họ đã biến mất trong những triều đại phong kiến sau cùng. Miền Nam Trung Hoa từng thuộc những tộc người thiểu số hiện cung cấp một ít di sản phục vụ cho du lịch. Không nên nghĩ rằng tất cả công dân Trung Hoa thực thụ hiện đang cố trở nên càng giống Hán càng tốt. Những dị biệt về tính cách sắc tộc và văn hóa vẫn còn tiềm tàng ở CHND Trung Hoa, thể hiện cả ở nét mặt của những người không phải dân tộc Hán. Những khu vực như Tân Cương hay Tây Tạng về cốt lõi văn hóa vẫn cho thấy sợi chỉ mỏng manh của bản sắc văn hóa và cho thấy rõ ràng nên xem xét cư dân hoặc sở hữu đất đai (!) có thể xem là hoàn toàn Trung Hoa hay không. Sự hiện diện trước đây của những thổ dân không phải người Trung Hoa có thể thấy rõ trong những tài liệu khai quật được. Nhưng công nhận hay không công nhận điều này cũng không thể xem như lý do để chuyển sang đề tài chính trị. Càng không phải duyên cớ để các khu vực khác khoanh vùng để đòi lại... (đây là ý kiến từ phương Tây).
- Nghiên cứu DNA do các trung tâm ở Thượng Hải, Côn Minh và Hoa Kỳ (Center for Genome Information, Department of Environmental Health, University of Cincinnati, Cincinnati, Ohio 45267, USA) chỉ ra rằng người Bắc Trung Hoa (Tây An và Bắc Kinh) và người Nam Trung Hoa (Quảng Châu, Thượng Hải) có cùng mẫu ADN.

Một ý kiến đáng chú ý từ nhóm thứ hai - chủ yếu gồm người Việt hải ngoại, kể cả những người di tản sau năm 1975, trong đó có cả người Việt gốc Hoa - không gặp phải phản kháng của nhóm thứ nhất: Việt là từ mà người Hoa Hạ gắn với thổ dân khu vực đông nam của Trung Hoa mà họ gặp phải. Định nghĩa khái lược này hợp với một địa bàn rất rộng ở Đông Nam Á... bao gồm ngoài đông nam Trung Hoa còn bao gồm Tây Nam nước này. Đông Nam Á xét về vị thế, Đông bắc Ấn Độ, các đảo trên Thái Bình Dương, và Madagascar. Dân này nói tiếng Austronesian, Tai-Kadai, Austroasiatic và Hmong-Mien (Mon-Khmer).

Chú thích:

[<sup>1</sup>]Người dịch tổng hợp và chú thêm niên đại để người đọc tiện theo dõi. Chú thích trong bài là của ban biên tập *Xưa & Nay*. Chú thích của talawas để trong [ ].

[<sup>2</sup>]Theo một nguồn nữa, các bộ lạc không phải người Hán gồm: Hoa Di (thuộc bộ tộc Lô Lô) hay Xu và Việt ở phía đông, Khuyển Nhung ở phía tây, Di ở phía bắc, Pu, Khương và Man ở phía tây nam và phía nam.

[<sup>3</sup>]Theo một Website phương Tây được công nhận rộng rãi [?], nước Ngô cũng là một quốc gia của người Việt nằm ở nam Giang Tô và bắc Chiết Giang. Giới quý tộc của hai quốc gia này học tiếng Trung, tuân theo pháp luật Trung Hoa và học theo công nghệ quân sự Trung Hoa, phát triển giao thông thủy là chính, và nghề nuôi trồng thủy sản, chứ không chỉ làm thuần nông nghiệp. Hai nước này cũng nổi tiếng về nghề đóng tàu và tác chiến trên sông nước, cũng như nghề làm gươm. Vào thời Chiến Quốc, hai nhà nước Ngô và Việt, bắt đầu can thiệp mạnh hơn vào chính trường Trung Hoa. Năm 506 trCn, chiến tranh bùng nổ giữa Ngô và Việt, lúc ác liệt lúc lắng dịu trong suốt 30 năm sau. Tới năm 473 trCn, Việt Vương Câu Tiễn chiếm được Ngô, được các lân bang là Tề và Tấn công nhận. Năm 333 trCn, đến lượt Việt bị Sở thôn tính.

[<sup>4</sup>]Như khái niệm biên khu Việt-Quế được dùng khoảng giữa thế kỷ XX, bên kia biên giới là hai tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh của Việt Nam.

[<sup>5</sup>]Được phương Tây xem là những nhánh của ở phương Nam có liên hệ với Hán tộc. Tuy nhiên, một trang Web thông dụng của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ phương Tây [?] cho rằng tiếng Phúc Kiến và Triều Châu là phương ngữ phụ trong tiếng Mân.

[<sup>6</sup>]Là một trong số các dân tộc mà người Hán coi là mọi rợ (Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch). Xin lưu ý ở trên có ý kiến của người Quảng Đông hiện đại thể hiện sự tự hào là người Đông Di.

[<sup>7</sup>]Có thể ông LĐH nhầm. Sau khi Sĩ Nhiếp chết, năm 226, Đông Ngô đã chia Giao Châu ra làm hai châu: Quảng Châu gồm các quận Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô và Giao Châu gồm các quận Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. và cử Sĩ Huy, con Sĩ Nhiếp làm thái thú Cửu Chân, nhưng Sĩ Huy không tuân lệnh mà dấy binh chiếm giữ Giao Chỉ. Thứ sử Giao Châu là Đái Lương và thứ sử Quảng Châu là Lữ Đại cùng hợp binh tiến đánh và giết chết mấy anh em Sĩ Huy. Khi đó Đông Ngô lại hợp nhất Quảng Châu với Giao Châu như cũ, phong Lữ Đại làm thứ sử Giao Châu, và đến năm 264 mới chia lại thành Quảng Châu (trị sở tại Phiên Ngung, nay là thành phố Quảng Châu) và Giao Châu (trị sở tại Long Biên). Giao Châu mới gồm có 6 quận: Giao Chỉ, Tân Xương, Vũ Bình, Cửu Chân, Cửu Đức và Nhật Nam, bao gồm miền Bắc Việt Nam cộng thêm khu vực Khâm Châu (thuộc Quảng Tây) ngày nay và bán đảo Lôi Châu thuộc tỉnh Quảng Đông) ngày nay.]

**Nguồn:** Tạp chí Xưa & Nay số 295, 11/2007 tr. 30-33